

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
4Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/11/2025.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoá.

Ngày 26 tháng 11 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1989; CCCD số: 037189012933; Địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Võ Cao N, sinh năm 1984; CCCD số: 064084011417; Địa chỉ: G N, tổ F, phường T, tỉnh Gia Lai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị C có đơn xin vắng mặt và có bản khai trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Võ Cao N có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào 09/01/2014 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau thời gian chung sống chúng tôi nhận thấy không còn hiểu nhau, không tiếng nói chung thường xuyên mâu thuẫn và bất đồng quan điểm dẫn đến hôn nhân căng thẳng, áp lực và không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã trầm trọng, cả hai

sống ly thân từ năm 2021 mỗi người ở một nơi, đến nay mạnh ai nấy sống từ khi ly thân anh N bỏ mặc tôi 1 mình nuôi con, mục đích hôn nhân không đạt được tôi nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N, vì vậy hôn nhân không thể kéo dài để phải làm mất thời gian và tổn thương cho nhau. Tôi giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án cho tôi được ly hôn với anh Võ Cao N.

Về con chung: Tôi với anh N có hai con chung là Võ Chí C1, sinh ngày 22/4/2014 (giấy khai sinh bản sao bị nhầm ngày đã ghi là 02/4/2024, tôi sẽ đính chính lại sau) và cháu Võ Ngọc Thiên Q, sinh ngày 20/10/2019. Theo nguyện vọng của cháu C1 muốn được ở với anh Võ Cao N khi bố mẹ ly hôn, tôi đồng ý giao cháu C1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu vì mỗi người chịu trách nhiệm nuôi một cháu, nên cả hai không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí tôi tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

-Bị đơn anh Võ Cao N có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Phạm Thị C có đăng ký kết hôn vào 09/01/2014 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau một thời gian nảy sinh nhiều mâu thuẫn, lý do vì không hoà hợp về tính cách cũng như quan điểm trong cuộc sống nên hay xảy ra cãi vã và có lúc xô xát khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt nên cả hai đã sống ly thân từ khoảng gần 5 năm nay, hai bên không liên lạc và không gặp mặt nhau. Nay tôi nhận được đề nghị ly hôn của cô C và tôi đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Tôi với cô C có hai con chung là Võ Chí C1, sinh ngày 02/4/2014 và cháu Võ Ngọc Thiên Q, sinh ngày 20/10/2019. Theo nguyện vọng của cháu C1 muốn được ở với tôi khi bố mẹ ly hôn, đề nghị Toà án giao cháu Võ Chí C1 cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; tôi đồng ý giao cháu Võ Ngọc Thiên Q cho cô C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con cả hai mỗi người chịu trách nhiệm nuôi một cháu, vì vậy không có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại tổ F, phường T, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7- Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa chị C và anh N cả hai kết hôn từ năm 2014, đến năm 2021 cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, thời gian ly thân cả hai không gặp mặt không liên lạc với nhau, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài chị C có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh N là có căn cứ theo luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, đề nghị giao cháu Võ Chí C1, sinh ngày 02/4/2014 cho anh Võ Cao N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; giao cháu Võ Ngọc Thiên Q, sinh ngày 20/10/2019 cho chị Phạm Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Phạm Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Võ Cao N có địa chỉ tại tổ F, phường T, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C, anh N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và có bản khai trình bày tại hồ sơ. Chị Phạm Thị C và anh Võ Cao N có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Chị Phạm Thị C và anh Võ Cao N tự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 2014 tại UBND phường H (nay là phường P), tỉnh Gia Lai theo trích lục kết hôn (bản sao) số: 351/TLKH-BS, ngày 11/6/2025 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. (*Giấy chứng nhận kết hôn bản chính chị C đã làm mất không nộp cho Tòa án*).

Xét về tình cảm giữa chị C với anh N, cả hai không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, hiện cả hai không sống chung với nhau từ năm 2021 và không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến nay chị C không còn tình cảm yêu thương anh N, mâu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến chị C có đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn anh N là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị C và anh N có hai người con chung là Võ Chí C1, sinh ngày 02/4/2014 và Võ Ngọc Thiên Q, sinh ngày 20/10/2019. Khi cả hai ly thân, cháu Võ Chí C1 do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q do chị C trực tiếp nuôi dưỡng; theo nguyện vọng của cháu C1 và sự thoả thuận giữa anh N với chị C giao con chung Võ Chí C1 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; giao con chung Võ Ngọc Thiên Q cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Như vậy: Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong phần quyết định.

[6]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*) và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị C.
Chị Phạm Thị C được ly hôn anh Võ Cao N.

2. Giao con chung là Võ Chí C1, sinh ngày 02/4/2014 (chưa thành niên) cho anh Võ Cao N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Giao con chung Võ Ngọc Thiên Q, sinh ngày 20/10/2019 (chưa thành niên) cho chị Phạm Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Phạm Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002561 ngày 02/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Gia Lai. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS 7 – Gia Lai;
- (UBND phường Hoa Lư (nay là phường Pleiku), tỉnh Gia Lai; số 10 ngày 09/01/2014).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**